TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **60** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 28/3 /2019
V/v tranh chấp Ly hôn, giao nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Nghệ
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Giang
2. Ông Hồ Xuân Hùng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Sầm Thị Thanh Sương* – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2018-TLST/HN&GĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, giao nuôi con theo quyết định đưa vụ ra xét xử số 15 /QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Chị Phan Thị S**, sinh 1984.
Địa chỉ: Xóm Y, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. **Bị đơn**: **Anh Đinh Trung T**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm Q, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 27/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị S trình bày: Chị và anh Đinh Trung T kết hôn vào ngày 11/12/2008, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, chị và anh T sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T không lo làm ăn, đánh bạc, trộm cắp,

không chăm lo cho gia đình, chị có góp ý cho anh T thì anh T đã hành hung bóp cổ, nên chị đã đưa con đi khỏi nhà (lúc đó con mới được gần hai tháng tuổi) nhưng anh T không cho đưa con đi và giành con trở lại. Chị xét thấy không thể sống chung với anh T nên đã để con lại cho anh T nuôi dưỡng và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì chị vẫn mua đường sữa đến thăm con và sau đó chị đi làm ăn tại Malaixia nhưng do Công ty bị thua lỗ không có tiền lương, chị phải vay mượn để sống qua ngày. Hiện nay chị đã về nước nhưng chưa có công việc làm đang sống nhờ vào bố mẹ. Chị xác định tình cảm không còn, xét thấy không thể tiếp tục sống chung cùng anh T, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Trung T.

Về con chung: Chị S và anh T có 1 người con chung: Đinh Trung D, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009. Chị S yêu cầu được giao nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S xác định không có nợ chung.

Bị đơn anh Đinh Trung T trình bày: Giữa anh và chị Phan Thị S kết hôn vào ngày 11/12/2008, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị S làm đơn xin ly hôn là do chị S ghen tuông đối với anh chứ không có mâu thuẫn gì. Chị S đã bỏ nhà và sống ly thân từ năm 2009, lúc đó con chung của anh và chị S mới 1 tháng 24 ngày tuổi. Sau khi chị S bỏ nhà và bỏ con cho anh nuôi dưỡng thì chị S không qua lại gì nữa. Hiện nay, chị S làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí. Nếu chị S muốn ly hôn thì phải đáp ứng theo yêu cầu của anh, phải trả tiền nuôi con từ lúc con 1 tháng 24 ngày cho đến ngày Tòa án xét xử là 80.000.000,đ .

Về con chung: Anh T xác nhận có 1 người con chung như chị S khai. Anh T yêu cầu được giao nuôi con, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000,đ.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác nhận không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227 BLTTDS, Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016, khoản 1 điều 56, 81, 82, 83, 84, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S được ly hôn anh Đinh Trung T.

Về con: Giao con chung Đinh Trung D, sinh ngày 03/12/2009, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000,đ. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Bác yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị S trả tiền nuôi con 80.000.000,đ.

Về tài sản chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ và án phí cấp dưỡng là 300.000,đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phan Thị S làm đơn xin ly hôn anh Đinh Trung T và đề nghị giao nuôi con. Do đó, vụ án này được xác định là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Đinh Trung T kết hôn năm 2008, trên cơ cở tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định, trong thời gian chung sống đã xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn sa vào tệ nạn cờ bạc. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn, chủ yếu chỉ yêu cầu chị S phải đáp ứng theo yêu cầu của anh T là phải trả khoản tiền nuôi con trước đó 80.000.000,đ thì anh T mới chấp nhận. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng chị S cương quyết xin ly hôn và không chấp nhận yêu cầu của anh T. Chị S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh T gây ra. Trong thời gian sống ly thân, chị S đã đi làm ăn tại Malaixia nhưng do Công ty bị thua lỗ không có tiền lương, chị S phải vay mượn để sống qua ngày. Hiện nay chị S đã về nước nhưng chưa có công việc làm đang sống nhờ vào bố mẹ. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị S để xét xử cho chị S được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị S và anh T có 01 người con chung: Đinh Trung D, sinh ngày 03/12/2009. Kể từ khi chị S và anh T sống ly thân thì con chung do anh

T trực tiếp nuôi dưỡng. Ý kiến của cháu D yêu cầu được ở với bố. Để đảm quyền lợi của con chưa thành niên và tránh làm đảo lộn cuộc sống hiện tại của cháu D, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét về điều kiện của chị S hiện nay thấy rằng, chị S không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định, do đó cần buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 500.000,đ là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của anh T yêu cầu chị S phải trả số tiền nuôi con trước đó 80.000.000,đ là không có căn cứ, cần bác yêu cầu này.

[6] Về tài sản chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị S được ly hôn anh Đinh Trung T.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung Đinh Trung D, sinh ngày 03/12/2009 cho anh Đinh Trung T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Phan Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 500.000,đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2019 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản: Chị S và anh T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Bác yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị S phải trả số tiền nuôi con trước đó 80.000.000,đ.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ do đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007188 ngày 11/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Chị S phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000,đ (ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Cao Thị Nghệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Ch, huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.